

Bản án số: 186/2018/DSST

Ngày: 15/5/2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết.
2. Ông Võ Thành Viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 648/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2018/QĐST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP T, địa chỉ: Số 89 L, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Duy K, sinh năm 1994, địa chỉ: Lầu 3, Số 296 đường P, Phường N, quận P, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền – văn bản ủy quyền số 10671/2018/UQ-VPB ngày 14/5/018 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1978, địa chỉ: 17/22 N, Phường M, quận G, thành phố H (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2017, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T có Ông Trần Duy K là đại diện theo ủy quyền trình bày:

1/ Ngân hàng TMCP T và Ông Trần Ngọc T đã ký hợp đồng tín dụng 3070401 (LD1508200055) ngày 16/3/2015, giải ngân ngày 23/3/2015 (Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng), theo đó Ngân hàng đã cho cấp hạn mức cho Ông Tvay số tiền 99.000.000 đồng, với thời hạn 48 tháng, lãi suất 27%/ năm. Thực hiện hợp đồng vay Ông Tđã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 7.262.531 đồng, nợ lãi là 13.257.469 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi Ông Tđã thanh toán là 20.520.000 đồng, sau đó Ông Tđã ngưng không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa.

2/ Cùng ngày 16/3/2015 ông Trần Ngọc Thanh đã tiếp tục ký hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 với Ngân hàng TMCP T (Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế), theo đó Ngân hàng đã cấp hạn mức thẻ cho Ông Tsử dụng là 50.000.000 đồng, Ông Tđã sử dụng số tiền nợ gốc tính đến ngày 20/10/2017 là 42.159.000 đồng, nhưng chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế này.

Do Ông Tvi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện Ông Tra Tòa giải quyết những vấn đề sau; cụ thể Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Ông Trần Ngọc T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 22/02/2018 như sau:

1/ Đối với Hợp đồng tín dụng số 3070401 (LD1508200055) ngày 16/3/2015, giải ngân ngày 23/3/2015 thì số nợ gốc là 91.737.469 đồng, nợ lãi là 91.129.176 đồng. Tổng gốc và lãi là: 182.866.645 đồng.

2/ Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-235052 mở ngày 21/3/2015 thì Ông Tđã sử dụng số tiền là 42.159.000 đồng, nợ lãi là 50.581.525 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 92.740.525 đồng.

Như vậy cả gốc và lãi của 2 hợp đồng trên tạm tính đến ngày 22/02/2018 Ông Tcòn nợ Ngân hàng là 275.607.170 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Ông Tphải có trách nhiệm trả số nợ trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra yêu cầu Ông Tphải trả lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 23/02/2018 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn Ông Trần Ngọc T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Ông Tkhông đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của Ông Ttrong hồ sơ vụ án.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét

xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Ông Trần Ngọc T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/5/2018 của 2 hợp đồng là 288.201.112 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Ngọc T có ký 01 hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP T số tiền là 99.000.000 đồng và 01 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức được duyệt là 50.000.000 đồng, Ông T đã sử dụng số tiền của thẻ là 42.159.000 đồng nên xác định giữa Ông T và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Ông T không thanh toán nợ đúng hạn nên Ngân hàng khởi kiện Ông T tại nơi Ông T cư trú là quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Trần Duy K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là Ông Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho Ông T nhưng Ông T đã vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

Theo kết quả trả lời xác minh ngày 28/11/2017 của Ban chỉ huy Công an Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “Tháng 3 năm 2015 anh Trần Ngọc Thành, sinh năm 1978 có đăng ký tạm trú tại 17/22 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, quận Gò Vấp nhưng nay đã trả nhà đi nơi khác không xác định được địa chỉ đến”. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 189, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì địa chỉ 17/22 N, Phường M, quận G, thành phố H được xác định là địa chỉ bị đơn từng cư trú gần nhất tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện và thể hiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập cho bị đơn đến Tòa án nhưng bị đơn không đến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp.

3.1 Đối với hợp đồng tín dụng số 3070401 (LD1508200055) ngày 16/3/2015:

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn, căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (hợp đồng tín dụng số 3070401 (LD1508200055) ngày 16/3/2015, giải ngân ngày 23/3/2015) mà Ông Tký với Ngân hàng TMCP T và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định: Ngân hàng TMCP T có cho Ông Tvay số tiền 99.000.000 đồng, với thời hạn 48 tháng, lãi suất 27%/ năm. Thực hiện hợp đồng vay ông Thanh đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng cộng 6 kỳ (từ tháng 4/2015 đến tháng 9/2015) với tổng số tiền nợ lãi là 13.257.469, nợ gốc là 7.262.531 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi Ông T đã thanh toán là 20.520.000 đồng, sau đó Ông T đã ngưng không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng kể từ ngày 25/9/2015 cho đến nay. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng trên là 191.329.427 đồng, trong đó nợ gốc là 91.737.469 đồng, nợ lãi là 99.591.958 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/5/2018 cho đến ngày Ông T trả dứt nợ theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/3/2015 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận

3.2 Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-235052 ngày 16/3/2015:

Căn cứ giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 16/3/2015 (hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-235052) của bị đơn do nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định bị đơn đã mở thẻ tín dụng Master Card Platinum tại Ngân hàng TMCP T với hạn mức là 50.000.000 đồng. Đối chiếu với các quy định tại Điều 401, Điều 402 và Điều 405 Bộ luật dân sự 2005 (nay là Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Bộ luật dân sự 2015) thì giao dịch dân sự giữa các bên là hợp pháp và phát sinh hiệu lực thi hành.

Sau khi được nguyên đơn cấp hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng Ông T đã sử dụng số tiền nợ gốc là 42.159.000 đồng nhưng căn cứ vào hồ sơ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp Ông T chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng này cho Ngân hàng. Như vậy, có cơ sở xác định Ông T không thực hiện đúng cam kết thanh toán và trả nợ mà các bên đã thỏa thuận tại Điều 4 và Điều 5 của giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế quy định về Thanh toán và trả nợ, lãi suất và các loại phí. Tại Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán cho Ngân hàng số tiền của hợp đồng trên là 96.871.685 đồng trong đó nợ gốc là 42.159.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 26/5/2015 đến ngày 15/5/2018 là 54.712.685 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/5/2018 cho đến ngày Ông T trả dứt nợ theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 16/3/2015 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/5/2018 của cả hai hợp đồng tín dụng là 288.201.112 đồng.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 16/5/2018 tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong 02 hợp đồng tín dụng là Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 16/3/2015.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.410.056 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP T là 6.410.227 đồng theo biên lai thu số 0027956 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Buộc Ông Trần Ngọc T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền còn nợ của 2 hợp đồng tín dụng là 288.201.112 (Hai trăm tám mươi tám triệu hai trăm linh một ngàn một trăm mười hai) đồng, trong đó:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 3070401 (LD1508200055) ngày 16/3/2015 nợ gốc là: 91.737.469 đồng, nợ lãi là: 99.591.958 đồng

- Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-235052 ngày 16/3/2015 nợ gốc là: 42.159.000 đồng, nợ lãi là: 54.712.685 đồng.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Kể từ ngày 16/5/2018 Ông T còn phải tiếp tục trả trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3070401 (LD1508200055) ngày 16/3/2015 và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-235052 ngày 16/3/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 3070401 (LD1508200055) ngày 16/3/2015 và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-235052 ngày 16/3/2015, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Ông Trần Ngọc T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 14.410.056 (Mười bốn triệu bốn trăm mười ngàn không trăm năm mươi sáu) đồng Ông Trần Ngọc T phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP T là 6.410.227 (Sáu triệu bốn trăm mười ngàn hai trăm hai mươi bảy) đồng theo biên lai thu số 0027956

ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Ngân hàng TMCP T, Ông Trần Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ